

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2020/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh DAT; nơi cư trú: Số 136, A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị VMP; nơi cư trú: Số 136, A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh DAT có đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 8 năm 2020 yêu cầu Toà án giải quyết cho anh và chị VMP được ly hôn và trình bày:

Anh và chị VMP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Điện Biên ngày 04 tháng 11 năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau hai con chung. Sau đó đến năm 2019 anh chị bắt đầu nảy sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống dẫn đến rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, mặc

dù anh chị đã được họ hàng hai bên động viên, khuyên nhủ nhiều lần nhưng không có kết quả. Cũng từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, anh DAT làm đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị VMP.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là: E, sinh ngày 03/12/2014 và F, sinh ngày 12/9/2016. Ly hôn anh đề nghị để chị VMP được nuôi cả hai con vì anh không muốn tách rời hai con, muốn các con được ở với nhau. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh DAT và chị VMP tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, chị VMP có bản tự khai và các lời khai tại Tòa án thống nhất với anh DAT về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung giữa hai anh chị như anh DAT trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc và trong cuộc sống chỉ thỉnh thoảng xảy ra mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có. Bản thân chị không có lỗi lầm gì với anh DAT và gia đình nhà chồng. Nay anh DAT có đơn xin ly hôn quan điểm của chị là không đồng ý ly hôn vì chị còn yêu thương anh DAT, mặt khác hai con của anh chị còn rất nhỏ, cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của cả cha lẫn mẹ nên chị đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị VMP không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn giữa anh DAT và chị VMP là có thật, nguyên nhân là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống. Từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa anh DAT giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho anh và chị VMP được ly hôn. Về con chung: đề nghị Tòa án giao hai con chung cho chị VMP trực tiếp nuôi dưỡng, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị VMP đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ vì chị vẫn còn tha thiết yêu thương anh DAT mặt khác con chị đang bị bệnh rất cần có sự quan tâm, chăm sóc của cả bố lẫn mẹ. Nếu trường hợp Tòa xử cho anh chị ly hôn thì chị đề nghị được nuôi cả hai con và anh chị sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xử cho anh DAT được ly hôn chị VMP. Về con chung: Giao hai con chung là E, sinh ngày 03/12/2014 và F, sinh ngày 12/9/2016 cho chị VMP nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Do anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 136, A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh DAT và chị VMP kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, biên bản ghi ý kiến của gia đình nguyên đơn, biên bản xác minh tại Tổ dân phố nơi anh DAT, chị VMP cư trú

thấy quá trình chung sống giữa anh DAT và chị VMP có phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau. Khoảng từ đầu năm 2020 đến nay anh chị sống ly thân mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa anh DAT và chị VMP là có thật. Chị VMP có nguyện vọng Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhận thấy mong muốn của chị VMP là chính đáng tuy nhiên hôn nhân là sự tự nguyện của hai vợ chồng, tình cảm phải xuất phát từ hai phía và cần phải xem xét đến nguyện vọng của anh DAT cũng như thực trạng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Trong bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa anh DAT đều khai thống nhất mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng do bất đồng về tính cách và quan điểm sống, anh không còn tình cảm gì với chị VMP, nếu tiếp tục chung sống chỉ gây đau khổ cho cả hai. Chị VMP mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được bất cứ phương án nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, để anh DAT suy nghĩ lại và về chung sống với chị. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định tình trạng mâu thuẫn giữa hai anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh DAT là cần thiết, đảm bảo quyền ly hôn của nguyên đơn, giúp cho anh chị sớm ổn định cuộc sống là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Anh DAT và chị VMP có 02 con chung là: E, sinh ngày 03/12/2014 và F, sinh ngày 12/9/2016. Ly hôn anh DAT đề nghị để chị VMP được nuôi cả hai con vì anh không muốn tách rời hai con, muốn các con được ở với nhau. Việc cấp dưỡng nuôi con anh DAT tự thỏa thuận với chị VMP và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị VMP cũng có quan điểm đề nghị được nuôi cả hai con. Xét thấy, từ khi anh chị mâu thuẫn và sống ly thân, chị VMP là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai con, học hành và chốn ăn ở sinh hoạt ổn định. Nên việc giao con chung cho chị VMP trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và nguyện vọng của cả hai anh chị. Bởi vậy, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con E và F cho chị VMP trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh DAT và chị VMP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Anh DAT và chị VMP tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Anh DAT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh DAT và chị VMP được ly hôn.
2. Về con chung: Giao hai con chung là: E, sinh ngày 03/12/2014 và F, sinh ngày 12/9/2016 cho chị VMP trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh DAT và chị VMP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh DAT và chị VMP tự thỏa thuận và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Anh DAT phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010033, ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Anh DAT đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND thị trấn D, huyện D, tỉnh Điện Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Phương